

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục
mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 03/3/2022 của Hội đồng nhân dân về việc kết luận Phiên họp thứ 9 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của tỉnh triển khai thực hiện quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND thực hiện đến năm học 2021-2022.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”. Tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: “Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023-2024”.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện thu học phí từ năm học 2022-2023 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đảm bảo thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ các quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023. Sau khi xây dựng dự thảo, cơ quan soạn thảo đã tổ chức xin ý kiến góp ý của các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định (Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định chi tiết tại Báo cáo thẩm định số 20/BCTĐ-STP ngày 18 tháng 5 năm 2022). Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết lần 1 và giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục

hoàn thiện, bổ sung một số quy định liên quan nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; Sở giáo dục và Đào tạo đã tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hồ sơ và gửi Sở Tư pháp, Sở Tài chính thống nhất trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và thống nhất thông qua tại Phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 02 tháng 7 năm 2022.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 gồm có 3 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức thu học phí

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định mức thu học phí trong năm học 2022-2023; mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định dùng làm căn cứ quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định; điều chỉnh tăng 5% từ năm học 2023-2024 trở đi; mức thu học phí trong trường hợp học trực tuyến (học online) và xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí, cụ thể như sau:

a) Xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí, gồm 03 khu vực:

- Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (*theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*).

- Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (*không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg*).

- Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (*không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg*).

b) Mức thu học phí trong năm học 2022-2023 (*áp dụng mức thu của vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*):

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (*các xã theo Quyết định số 861/QĐ-TTg*): Thu theo mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (*không thuộc Quyết định số 861*): Mức thu tăng 10.000 đồng cho bậc học mầm non đến cấp trung

học cơ sở (tương đương tăng 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và tăng 20.000 đồng đối với cấp trung học phổ thông (tương đương tăng 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): Mức thu tăng 20.000 đồng cho bậc học mầm non đến cấp trung học cơ sở (tương đương tăng 40% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và tăng 40.000 đồng đối với cấp trung học phổ thông (tương đương tăng 40% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

c) Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết.

d) Mức thu học phí từ năm học 2023-2024 trở đi:

Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết.

đ) Trường hợp học trực tuyến (*học online*), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo, giải trình một số nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung phân khu vực

Cơ quan soạn thảo không áp dụng chia theo khu vực thành thị và nông thôn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP vì mức thu học phí quy định tại 02 vùng này rất cao so với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh (cụ thể: khu vực thành thị từ 300 đến 650 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông; khu vực nông thôn từ 100 đến 330 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông).

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, việc xây dựng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh dựa trên mức thu học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và phân chia 3 khu vực thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Việc phân chia đơn vị hành chính cấp xã theo 3 khu vực để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 861/QĐ-TTg và thuận tiện trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được công nhận thuộc vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (bao gồm 43 xã; phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Đăk Mâm, huyện Krông Nô và thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút).

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): 17 xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): Có 08 phường, thị trấn (bao gồm 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện).

b) Về nội dung từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí điều chỉnh mỗi năm tăng 5% so với mức thu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết:

- Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, từ năm học 2023-2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Như vậy, việc đề xuất tăng 5% trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Việc điều chỉnh mức học phí tăng 5% từ năm học 2023-2024 dự kiến thực hiện đến hết năm học 2026-2027, đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết được xuyên suốt; tránh việc hằng năm phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh chỉ một nội dung.

- Mức tăng học phí 5% từ năm học 2023-2024 dự kiến đến hết năm học 2026-2027 không vượt quá mức trần theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg): Đến năm học 2026-2027 tăng 20% so với năm học 2022-2023; với mức học phí tương đương 60.000 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 120.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): Đến năm học 2026-2027, tăng 20% so với năm học 2022-2023; với mức học phí tương đương 72.000 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 144.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): Đến năm học 2026-2027, tăng 20% so với năm học 2022-2023; với mức học phí tương đương 84.000 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 168.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

- Mức tăng 5% khi áp dụng sẽ tính ra con số chẵn để các cơ sở giáo dục thuận tiện và thống nhất trong việc triển khai thu học phí.

c) Về nội dung học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở

giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết:

Đối với số tiền thu học phí (*thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí*): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại thực hiện cải cách tiền lương khi thay đổi mức lương cơ sở của nhà nước (*tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương*) và sử dụng 60% nguồn thu học phí dùng để chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (*văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí; sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí*).

Như vậy, khi triển khai học trực tuyến thì chi phí chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí không có (*chủ yếu là người dạy và một số trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học trực tuyến*); do đó, cơ quan soạn thảo xây dựng mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết để dùng chi trả tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(*Hồ sơ gửi kèm, gồm: dự thảo Nghị quyết; Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban VH-XH, HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX_(VN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)
Lê Văn Chiến

Số: /2022/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

2. Đối tượng áp dụng:

Trẻ em mầm non, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức thu học phí

1. Mức học phí năm học 2022-2023 (Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên) như sau:

Cơ sở giáo dục công lập theo khu vực	Mức thu học phí theo đối tượng áp dụng (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)				Thời gian thu
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025)	50.000	50.000	50.000	100.000	Thu 9 tháng/năm học
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg)	60.000	60.000	60.000	120.000	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg)	70.000	70.000	70.000	140.000	

2. Học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp học trực tuyến, mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 có sự thay đổi, điều chỉnh thì áp dụng theo văn bản quy định mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

Số: 309 /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 31 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ
thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ
năm học 2022-2023

Thực hiện khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; để triển khai xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá tác động của việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023:

a) Tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021:

Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông. Việc triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã góp phần bảo đảm công bằng trong giáo dục, cùng với ngân sách nhà nước để đầu tư cho giáo dục; qua đó, sự nghiệp giáo dục ngày càng phát triển đáp ứng được nhu cầu học tập của con em các dân tộc trong tỉnh.

b) Sự cần thiết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023:

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của tỉnh thực hiện việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015

của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023-2024”.

Đồng thời, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông cũng chỉ kéo dài thời hạn áp dụng quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến hết năm học 2021-2022.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 là cần thiết và phù hợp.

d) Cơ sở pháp lý ban hành:

Cơ sở pháp lý để ban hành Nghị quyết bao gồm:

- Căn cứ về hình thức, thẩm quyền:

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Căn cứ về nội dung:

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023:

Tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thu học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023; đồng thời, xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữa nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tác động của chính sách trong quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023

1. Nội dung chính sách:

1.1. Xác định các cơ sở giáo dục công lập theo vùng để xác định mức thu học phí gồm 03 vùng:

Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861).

Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861).

Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861).

1.2. Mức học phí:

PHƯƠNG ÁN 1: Thu ở mức sàn theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

1.2.1. Mức học phí năm học 2022-2023:

Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Cơ sở giáo dục công lập theo khu vực	Mức thu học phí theo đối tượng áp dụng (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)				Thời gian thu
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	

Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861)	50.000	50.000	50.000	100.000	Thu 9 tháng/năm học
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861)	60.000	60.000	60.000	120.000	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861)	70.000	70.000	70.000	140.000	

(So sánh mức thu học phí năm học 2022-2023 tăng so với mức thu năm học 2015-2016 theo Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND theo phụ biểu số 1 đính kèm).

1.2.2. Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

1.2.3. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

1.2.4. Trường hợp học trực tuyến (*học online*), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

PHƯƠNG ÁN 2: Mức thu bình quân theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

1.2.1. Mức học phí năm học 2022-2023:

a) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Cơ sở giáo dục công lập theo khu vực	Mức thu học phí theo đối tượng áp dụng (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)				Thời gian thu
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	

Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861)	80.000	80.000	110.000	160.000	Thu 9 tháng/năm học
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861)	95.000	95.000	130.000	180.000	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861)	110.000	110.000	150.000	220.000	

(So sánh mức thu học phí năm học 2022-2023 tăng so với mức thu năm học 2015-2016 theo Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND theo phụ biểu số 2 đính kèm).

1.2.2. Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

1.2.3. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

1.2.4. Trường hợp học trực tuyến (*học online*), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

PHƯƠNG ÁN 3: Thu ở mức trần theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

1.2.1. Mức học phí năm học 2022-2023:

a) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Cơ sở giáo dục công lập theo khu vực	Mức thu học phí theo đối tượng áp dụng (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)				Thời gian thu
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	

Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861)	110.000	110.000	170.000	220.000	Thu 9 tháng/năm học
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861)	120.000	120.000	180.000	230.000	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861)	130.000	130.000	190.000	240.000	

(So sánh mức thu học phí năm học 2022-2023 tăng so với mức thu năm học 2015-2016 theo Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND theo phụ biểu số 2 đính kèm).

1.2.2. Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

1.2.3. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

1.2.4. Trường hợp học trực tuyến (*học online*), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Xác định vấn đề:

Thực hiện khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và để phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của nhân dân, cùng với ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí cho các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập.

3. Mục tiêu:

Ban hành mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó để căn cứ triển khai thực hiện.

4. Đề xuất giải quyết vấn đề:

Sau khi xem xét 03 phương án nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến thu theo các phương án trong năm học 2022-2023, cụ thể:

a) Phương án 1:

- Một học sinh mầm non: thu học phí trong một năm học dự kiến 450.000 đồng - 630.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí dự kiến 450.000 đồng - 630.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh THCS: thu học phí trong một năm học dự kiến 450.000 đồng - 630.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh THPT: thu học phí trong một năm học dự kiến 900.000 đồng - 1.260.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

b) Phương án 2:

- Một học sinh mầm non: thu học phí trong một năm học dự kiến 720.000 đồng - 990.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí dự kiến 720.000 đồng - 990.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh THCS: thu học phí trong một năm học dự kiến 990.000 đồng - 1.350.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh THPT: thu học phí trong một năm học dự kiến 1.440.000 đồng - 1.980.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

c) Phương án 3:

- Một học sinh mầm non: thu học phí trong một năm học dự kiến 990.000 đồng - 1.170.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí dự kiến 990.000 đồng - 1.170.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh THCS: thu học phí trong một năm học dự kiến 1.530.000 đồng - 1.710.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

- Một học sinh THPT: thu học phí trong một năm học dự kiến 1.980.000 đồng - 2.160.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào vùng.

Sau khi xem xét các phương án 1, 2 và 3, thì mức thu học phí theo phương án 1 là phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng cân đối kinh phí chi trả của người học; do đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án 1 trong dự thảo Nghị quyết để xin ý kiến các sở, ban, ngành và các đơn vị và cá nhân chịu sự tác động trực tiếp của chính sách.

Vì vậy, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 cụ thể, chi tiết hàng năm để trình HĐND tỉnh Đắk Nông xem xét, ban hành để làm căn cứ thực hiện.

5. Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách:

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh và phụ huynh học sinh từ bậc học mầm non đến phổ thông và giáo dục thường xuyên.

6. Kiến nghị:

Kính trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 làm cơ sở pháp lý để các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến trên công thông tin điện tử; lấy ý kiến bằng văn bản đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan, các địa phương và các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách là phụ huynh học sinh (*thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh tại các cơ sở giáo dục*); sau đó, tiếp thu và có báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan tổ chức thi hành chính sách: UBND tỉnh.
- Cơ quan giám sát đánh giá chính sách: HĐND tỉnh.

V. PHỤ LỤC: Đính kèm các phụ lục.

VI. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Về nội dung phân vùng:

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (*theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861*): Theo Quyết định số 861, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được Chính phủ công nhận thuộc Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (*bao gồm 43 xã; phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô và thị trấn Eatling, huyện Cư Jút*).

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (*không thuộc Quyết định số 861*): Có 17 xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (*không thuộc Quyết định số 861*): Có 08 phường, thị trấn (*bao gồm 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện*).

2. Về nội dung từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí điều chỉnh tăng 5% so với mức thu đã được quy định tại Nghị quyết này:

Mức tăng 5% khi áp dụng sẽ tính thành con số chẵn, để các cơ sở giáo dục thống nhất trong việc triển khai thu học phí.

3. Về nội dung học trực tuyến (*học online*), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Nghị quyết này:

Đối với số tiền thu học phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại thực hiện cải cách tiền lương khi thay đổi mức lương cơ sở của Nhà nước (*Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương*) và sử dụng 60% nguồn thu học phí dùng để chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (*Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí; sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí*)

Như vậy, khi triển khai học trực tuyến (*học online*) thì chi phí chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí không có (*vì chủ yếu là người dạy và một số trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học trực tuyến*); do đó, cơ quan soạn thảo chỉ đưa ra mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định Nghị quyết này để dung chi trả tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB-TC_(ĐT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Sĩ Thành

Phụ lục: SO SÁNH MỨC TĂNG HỌC PHÍ

Sử dụng mức sàn theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(kèm theo Báo cáo số 309/BC-SGDĐT ngày 31/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

		Mức thu học phí (ngàn đồng/học sinh/tháng)										
Cấp học	Khu vực I theo Nghị quyết số 26/ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Khu vực II theo Nghị quyết số 26/ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Khu vực III theo Nghị quyết số 26 / Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Mức thu theo	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu theo	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu dự
				theo	năm	năm	năm	năm	theo	năm	năm	năm
				NQ 26 năm	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học	NQ26 năm học	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học
				2015-2016	2022-2023	2022-2023	2022-2023	2022-2023	2015-2016	2022-2023	2022-2023	2022-2023
				Mức thu dự kiến		Mức thu dự kiến		Mức thu dự kiến		Mức thu dự kiến		
				tăng so với năm học 2015-2016		tăng so với năm học 2015-2016		tăng so với năm học 2015-2016		tăng so với năm học 2015-2016		
				Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	
Mầm non	30	70	40	233	15	60	45	400	8	50	42	625
Tiêu học	0	70	70		0	60	60		0	50	50	
THCS	35	70	35	200	20	60	40	300	10	50	40	500
THPT	45	140	95	311	30	120	90	400	25	100	75	400

Phụ lục: SO SÁNH MỨC TĂNG HỌC PHÍ

Sử dụng trung bình theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số 309/BC-SGDDĐT ngày 31/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

		Mức thu học phí (ngàn đồng/học sinh/tháng)											
Cấp học	Khu vực I theo Nghị quyết số 26/ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Khu vực II theo Nghị quyết số 26/Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Khu vực III theo Nghị quyết số 26 / Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Mức thu theo	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu theo	Mức thu dự	Mức thu dự	Mức thu dự	
				NQ26 năm học	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học	NQ26 năm học	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học	kiến năm học
				2015-2016	2022-2023	2015-2016	2022-2023	2015-2016	2022-2023	2015-2016	2022-2023	2015-2016	2022-2023
				Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Mã non	30	110	80	367	15	95	80	633	8	80	72	1.000	
Tiêu học	0	110	110		0	95	95		0	80	80		
THCS	35	150	115	429	20	130	110	650	10	110	100	1.100	
THPT	45	220	175	489	30	180	150	600	25	160	135	640	

Phụ lục: SO SÁNH MỨC TĂNG HỌC PHÍ
Sử dụng mức cao tối đa theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
 (kèm theo Báo cáo số 309/BC-SGDĐT ngày 31/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

		Mức thu học phí (ngàn đồng/học sinh/tháng)										
Cấp học	Khu vực I theo Nghị quyết số 26/ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Khu vực II theo Nghị quyết số 26/Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Khu vực III theo Nghị quyết số 26 / Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gọi tắt là Quyết định số 861) theo dự thảo Nghị quyết mới	Mức thu theo NQ26 năm học 2015-2016	Mức thu dự kiến năm học 2022-2023	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2015-2016	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2015-2016					
				Số tiền	%	Số tiền	%					
				Mức thu theo NQ26 năm học 2015-2016	Mức thu dự kiến năm học 2022-2023	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2015-2016	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2015-2016					
				Số tiền	%	Số tiền	%					
Mầm non	30	130	100	433	15	120	105	800	8	110	102	1.375
Tiểu học	0	130	130		0	120	120		0	110	110	
THCS	35	190	155	543	20	180	160	900	10	170	160	1.700
THPT	45	240	195	533	30	230	200	767	25	220	195	880

Số: 229/BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 06 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; để có cơ sở xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND:

- Về mức thu học phí: Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông triển khai thực hiện mức thu học phí theo Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Theo đó, áp dụng mức thu học phí đối với mầm non từ 8.000-30.000 đồng/học sinh/tháng (tùy khu vực), trung học cơ sở từ 10.000-35.000 đồng/học sinh/tháng (tùy khu vực), trung học phổ thông từ 25.000-45.000 đồng/học sinh/tháng (tùy khu vực).

- Cơ chế thu: Học phí được thu định kỳ hàng tháng (nếu học sinh tự nguyện, các trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học). Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm. Sau khi thu học phí, các cơ sở giáo dục công lập nộp vào Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng theo quy định.

- Về sử dụng tiền học phí: Việc trích 40% cải cách tiền lương từ nguồn thu theo quy định; 60% còn lại, đơn vị được bổ sung vào chi thường xuyên dẫn đến nguồn kinh phí bổ sung chi thường xuyên cho đơn vị bị hạn chế và gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

2. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập:

Việc miễn, giảm học phí được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại nhà trường, ngân sách Nhà nước có trách nhiệm cấp bù trực tiếp học phí cho các cơ sở giáo dục công lập để thực hiện việc miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và



đang học tại cơ sở giáo dục đó với mức thu học phí tương ứng với từng cấp học. Hằng năm, việc cấp bù học phí cho các cơ sở giáo dục công lập để thực hiện việc miễn, giảm được quyết toán đầy đủ, công khai, minh bạch. Kinh phí thực hiện và cơ chế chi trả cho học sinh thuộc đối tượng được cấp trên cấp được hỗ trợ đầy đủ, kịp thời.

Việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập hỗ trợ trực tiếp cho học sinh trong thời gian qua đã góp phần giúp con em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có điều kiện đến trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em, học sinh ở các cấp học, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số, học sinh vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Đánh giá quy định hiện hành về phân cấp, thẩm quyền quy định mức thu học phí:

Mức thu học phí do HĐND tỉnh Đắk Nông quy định là đúng theo phân cấp, thẩm quyền. Từ năm học 2015-2016 đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông điều kiện kinh tế - xã hội và chỉ số giá tiêu dùng hằng năm tăng không cao; vì vậy, mức thu học phí vẫn được duy trì theo Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND là phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

4. Tổng hợp số thu học phí và kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập của từng năm học: Cụ thể theo phụ lục đính kèm.

5. Các văn bản về mức thu học phí hằng năm giai đoạn 2015-2021:

- Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông (*áp dụng cho năm học 2021-2022*)

- Công văn số 5299/UBND-KGVX ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện giá dịch vụ giáo dục năm học 2017-2018;

- Công văn số 5547/UBND-KGVX ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện thu học phí năm học 2018-2019.

- Công văn số 5253/UBND-KGVX ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện thu học phí năm học 2019-2020.

- Công văn số 4330/UBND-KGVX ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện thu học phí năm học 2020-2021 (*có các văn bản kèm theo*).

II. Đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của tỉnh thực hiện việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ

thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: "... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý đề áp dụng tại địa phương".

Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: "Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023-2024".

Đồng thời, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông cũng chỉ kéo dài thời hạn áp dụng quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến hết năm học 2021-2022.

Do đó, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 là cần thiết và phù hợp.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND của Sở Giáo dục và Đào tạo. / *H.Đ.Đ*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp (để biết);
- Lãnh đạo Sở GDĐT (để b/cáo);
- Lưu: VT, TCCB-TC_(D).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Sĩ Thành

12/05/2022

Phụ lục I

SỐ LIỆU VỀ THU HỌC PHÍ GIAI ĐOẠN 2015-2021

(Kèm theo Báo cáo số 229 /BC-SGDĐT ngày 6 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông)

DVT: Nghìn đồng

Stt	Vùng/Năm học	Mầm non				Trung học cơ sở				Trung học phổ thông				Tổng cộng I+II+III	
		Mức thu/học sinh/tháng (nghìn đồng)	Tỷ trọng học phí/thu nhập bình quân của hộ gia đình	Số học sinh	Tổng số học phí thu được (I)	Mức thu/học sinh/tháng (nghìn đồng)	Tỷ trọng học phí/thu nhập bình quân của hộ gia đình	Số học sinh	Tổng số học phí thu được (II)	Mức thu/học sinh/tháng (nghìn đồng)	Tỷ trọng học phí/thu nhập bình quân của hộ gia đình	Số học sinh	Tổng số học phí thu được (III)		
1	Năm học 2015-2016	Thành thị													
		Nông thôn													
		Miền núi	15	1	15.343	1.905.590	20	1	21.252	3.385.780	30	1	13.997	3.553.795	8.845.165
		Tổng cộng	15		15.343	1.905.590	20		21.252	3.385.780	30		13.997	3.553.795	8.845.165
		Năm học 2016-2017	Thành thị												
2	Năm học 2016-2017	Nông thôn													
		Miền núi	15	1	16.793	2.722.260	20	1	22.971	4.370.650	30	1	15.275	4.209.609	11.302.519
		Tổng cộng	15		16.793	2.722.260	20		22.971	4.370.650	30		15.275	4.209.609	11.302.519
		Năm học 2017-2018	Thành thị												
		3	Năm học 2017-2018	Nông thôn											
Miền núi	15			1	17.480	3.094.065	20	1	27.369	6.902.705	30	1	15.718	4.129.679	14.126.449
Tổng cộng	15				17.480	3.094.065	20		27.369	6.902.705	30		15.718	4.129.679	14.126.449
Năm 2018-2019	Thành thị														
4	Năm 2018-2019			Nông thôn											
		Miền núi	15	1	17.288	2.749.758	20	1	25.341	5.286.703	30	1	15.800	4.264.216	12.300.677
		Tổng cộng	15		17.288	2.749.758	20		25.341	5.286.703	30		15.800	4.264.216	12.300.677
		Năm 2019-2020	Thành thị												
		5	Năm 2019-2020	Nông thôn											
Miền núi	15			1	16.761	2.485.863	20	1	26.186	5.360.475	30	1	16.230	4.334.433	12.180.771
Tổng cộng	15				16.761	2.485.863	20		26.186	5.360.475	30		16.230	4.334.433	12.180.771

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TƯ PHÁP

Số: 646STP-VBPBPL

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết sau
cuộc họp thẩm định của UBND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 01 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 853/SGDDĐT-TCCBTC về việc cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Đắk Nông sau cuộc họp ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

- Về cơ bản, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 20/BCTĐ-STP ngày 18/5/2022.

- Tuy nhiên, về nội dung cần nghiên cứu, xem xét, giải trình rõ về căn cứ pháp lý, thực tiễn một số vấn đề sau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định:

+ Về mức đóng học phí tại các địa bàn ngoài 46 xã thuộc Quyết định 861/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành (*so sánh với giai đoạn trước và tham khảo các địa phương trong khu vực hoặc có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tương đồng, ...*).

+ Quy định tại khoản 2 Điều 2: "*Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này*" cần xem lại cụm từ "*nhà nước*" và sửa cụm từ "*Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này*" thành "*Khoản 1 Điều này*" – sửa tương tự tại khoản 3 và khoản 4 – cho phù hợp hơn.

+ Cần nhắc thêm về quy định tại khoản 3 Điều 2: "*Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này*" cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 81/2021/NĐ-CP:

"3. Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi

a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;

b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định."

- Rà soát kỹ về lỗi chính tả, trình bày các dự thảo theo quy định.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thêm nội dung tại Công văn số 2153/BGDĐT-KHTC ngày 24/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2022-2023 để tham mưu cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp đối với nội dung tại Công văn số 853/SGDDĐT-TCCBTC, gửi Sở Giáo dục và đào tạo tổng hợp, tham mưu theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh;
- GD Sở, PGD Sở (đ/c Tài);
- Lưu: VT, VBPPPL.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu

**UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 812 /SGDDĐT-TCCBTC
V/v tiếp thu, giải trình các nội dung
theo Báo cáo thẩm định số 20/BCTĐ-
STP ngày 18/5/2022 của Sở Tư pháp

Đắk Nông, ngày 24 tháng 5 năm 2022

Kính gửi: UBND tỉnh Đắk Nông

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Báo cáo số 20/BCTĐ-STP ngày 18/5/2022 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 (gọi tắt Báo cáo thẩm định số 20); sau khi nghiên cứu các nội dung thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tiếp thu, giải trình cụ thể như sau:

1. Đối với nội dung: Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, bổ sung điều, khoản quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với nội dung: Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết, như sau:

- Về đối tượng áp dụng: Cơ quan soạn thảo điều chỉnh mức thu học phí theo đối tượng áp dụng trên cơ sở phân chia khu vực: gồm cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã và cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn.

- Về mức thu học phí: Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến góp ý của một số cơ quan, địa phương về dự thảo Nghị quyết; đồng thời, trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh, cơ quan soạn thảo điều chỉnh mức thu học phí theo đối tượng áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã theo mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Sau khi tiếp thu, điều chỉnh đối tượng áp dụng theo khu vực, mức tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của các đối tượng ở khu vực này.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh không có cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; do đó, cơ quan soạn thảo không đưa vào dự thảo.

- Về nội dung quy định mức thu học phí cụ thể các năm học:

Sau khi nghiên cứu và tham khảo Nghị quyết của một số địa phương khác, cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 trở đi (tiếp tục thực hiện như mức thu của năm học 2022-2023; trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp, thì cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định sửa đổi, điều chỉnh mức thu học phí nhưng không quá 5% so với mức thu của năm học trước đó).

- Về mức thu học phí trong trường hợp học trực tuyến (*học online*), cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

- Đối với một số nội dung khác, cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh đảm bảo đúng quy định, chính xác với các văn bản cấp trên.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

a) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết:

Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh lại một số nội dung, cách trình bày, ... trong dự thảo Nghị quyết theo nội dung thẩm định tại Báo cáo số 20/BCTĐ-STP.

b) Đối với nội dung dự thảo Tờ trình:

Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh lại nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày theo đúng nội dung thẩm định tại Báo cáo số 20/BCTĐ-STP.

Trên đây là một số nội dung Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết theo Báo cáo số 20/BCTĐ-STP, kính đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp (để biết);
- Giám đốc Sở GDĐT (để b/cáo);
- Lưu: VT, TCCB-TC (Đ).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Sĩ Thành

Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “*Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hàng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023 - 2024; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính và kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 11, mức tăng học phí không quá 12,5%/năm từ năm học 2026 - 2027*”.

Đồng thời, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông cũng chỉ kéo dài thời hạn áp dụng quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông *đến hết năm học 2021-2022*.

Do đó, việc cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 là cần thiết và phù hợp.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết:

Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung điều khoản cụ thể quy định về đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với nội dung nghị quyết và thực tiễn địa phương. Ngoài ra, cần rà soát giữa tên gọi của dự thảo và phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng trong toàn bộ dự thảo cho thống nhất.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Giáo dục năm 2019; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; các văn bản có liên quan và điều kiện thực tế tại địa phương.

Tuy nhiên, về nội dung cần xem xét thêm một số vấn đề sau:

- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo, việc quy định với nội dung như dự thảo đã nêu là chưa đầy đủ, còn chung chung, bỏ sót đối tượng áp dụng, khó đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện. Cụ thể:

+ Về việc phân chia theo khu vực I, II, III như dự thảo là chưa đầy đủ, chính xác. Cơ quan soạn thảo viện dẫn một cách chung chung “quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc” sẽ không đảm bảo sự thuận tiện trong quá trình thực hiện. Theo rà soát của cơ quan thẩm định, tỉnh Đắk Nông có 46 xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, phân định theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 – 2025 gồm 29 xã thuộc khu vực I, 05 xã thuộc khu vực II và 12 xã thuộc khu vực III¹; có 143 thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021 - 2025². Nếu phân chia khu vực như dự thảo đề ra, ngoài 46 xã, 143 thôn nêu trên và “các phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố”³ thì tại các đơn vị hành chính cấp xã còn lại chưa được quy định trong dự thảo thực hiện mức thu học phí như thế nào? Chẳng hạn như xã Đắk Rmuan thuộc thành phố Gia Nghĩa; xã Nhân cơ, xã Đắk Sin thuộc huyện Đắk R’Lấp; xã Đức Mạnh, xã Đức Minh thuộc huyện Đắk Mil? Vì vậy, cơ quan soạn thảo cần rà soát và tham mưu xác định, phân loại, chịu trách nhiệm về tính chính xác các vùng (khu vực) trong dự thảo để áp dụng mức thu học phí cho đầy đủ, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

+ Khoản 1 Điều 1 dự thảo chỉ quy định đối với “người học có hộ khẩu thường trú”. Vậy như người học “tạm trú” thì giải quyết như thế nào? Theo quan điểm của cơ quan thẩm định, việc phân chia chỉ nên hướng chính vào “vùng/khu vực” để áp dụng mức thu học phí, không nên hướng đến đối tượng là người học. Bởi vì, nội hàm chính của việc phân chia vùng/khu vực là cơ sở, điều kiện, hoàn cảnh để thực hiện mức thu học phí tại địa điểm đó.

+ Cơ quan soạn thảo cần lưu ý, việc phân chia khu vực là dựa vào các địa bàn có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khác nhau trên địa bàn tỉnh. Cũng như tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cũng phân chia khu vực đóng học phí theo: Thành thị, nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ để tham mưu cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và quy định pháp luật có liên quan (*Trường hợp cách quy định như dự thảo là kế thừa cách phân chia như Nghị quyết giai đoạn trước, quá trình thực*

¹ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

² Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

³ Theo khoản 1 Điều 1 dự thảo

hiện thuận lợi phù hợp với thực tiễn địa phương và vẫn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành thì cần thuyết minh, giải trình cụ thể để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

- Tại điểm a khoản 2.1 của dự thảo, đề nghị lưu ý:

+ Về mức thu học phí: cơ quan soạn thảo cần có sự giải trình, thuyết minh cụ thể đối với đề xuất mức thu học phí.

Đối với mức thu học phí cơ sở giáo dục mầm non, cơ quan soạn thảo đã áp dụng mức sàn thấp nhất theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại khu vực III. Cần giải trình rõ về mức tăng đối với khu vực I, khu vực II?

Tuy nhiên, mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục trung học cơ sở và cơ sở giáo dục trung học phổ thông lại không áp dụng mức sàn thấp nhất. Đề nghị giải trình cụ thể.

- Tại điểm d, đ mục 2.2 khoản 2 Điều 1 quy định:

“d) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức thu học phí tại điểm a, b, c khoản này.

đ) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a, b, c khoản này.” là chưa phù hợp vì:

+ Theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

“c) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

b) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;”

Như vậy, đối với đối tượng là cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được áp dụng mức trần theo quy định khung tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP chứ không phải theo mức trần học phí của HĐND tỉnh quy định (hơn nữa trách nhiệm của HĐND cũng không quy định mức trần học phí mà quy định mức cụ thể). Và quy định này được quy định cụ thể Nghị định 81/2021/NĐ-CP, không giao cho địa phương quy định.

+ Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên chưa? Nếu chưa có thì việc đưa vào dự thảo quy định này có thực sự cần thiết?

- Dự thảo Nghị quyết quy định “mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục

Đã
S.T.
C

mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023”, trong đó nội dung quy định về mức học phí cụ thể các năm học: 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025; 2025-2026 cần xem xét 02 vấn đề sau:

+ Thứ nhất, theo điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định:

“Điều 9. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông.

2. Khung học phí năm học 2022-2023

a)...Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

3. Khung học phí từ năm học 2023 -2024 trở đi:

“a) Năm học 2023 -2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;

b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định”.

Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thì Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức học phí cụ thể cho năm học 2022-2023 trên cơ sở khung học phí đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; còn đối với các năm học từ 2023-2024 trở đi thì tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân để quyết định.

Năm học 2022-2023 là năm học đầu tiên áp dụng khung học phí mới theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, do đó cần quy định cụ thể mức học phí năm 2022-2023, sau đó trên cơ sở đánh giá việc thực hiện, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương... mới tham mưu HĐND ban hành nghị quyết quy định mức học phí các năm học sau.

+ Thứ hai, nếu cơ quan soạn thảo tham mưu quy định mức học phí cho các năm học tiếp theo thì cần phải thay đổi tên gọi cho phù hợp với nội dung dự thảo, ví dụ: Nghị quyết Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk

Nông từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026.

+ Về mức thu: việc đề xuất mức thu như dự thảo nằm trong mức khung được quy định tại văn bản trung ương. Tuy nhiên, cần đánh giá kỹ về sự phù hợp với quy định của pháp luật với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.

- Khoản 2.4 Điều 1 quy định: “*Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở phát sinh thực tế hợp lý và tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được quy định tại Nghị quyết này*”. Việc quy định như dự thảo còn mang tính chung chung, sẽ gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong quá trình triển khai thực hiện. Qua hơn 02 năm triển khai việc học trực tuyến (học online) trên địa bàn tỉnh, cơ quan soạn thảo đã có đủ cơ sở để đánh giá, tính toán các chi phí phát sinh thực tế hợp lý. Vì vậy, cần quy định rõ hơn, cụ thể hơn nội dung trên theo khoản 5 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “*Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh **quy định cụ thể** mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành*”.

- Khoản 2.6 dự thảo quy định “*không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với **trẻ em học mầm non** và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các vấn đề bất khả kháng*”. Cần xem xét lại cho phù hợp, chính xác hơn vì:

+ Điều 17 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

“Điều 17. Không thu học phí có thời hạn

*Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với **trẻ em học mẫu giáo** và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.*”.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.*”

Như vậy, việc quy định lại nội dung đã được quy định trong văn bản quy

phạm pháp luật khác một cách không chính xác là không phù hợp.

Tóm lại, cơ quan soạn thảo cần rà soát lại các quy định theo hướng: nếu quy định chi tiết thì phải đảm bảo thống nhất; chính xác với các văn bản cấp trên. Cần thuyết minh, giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý, thực tiễn,... về mức thu đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Tên gọi dự thảo: Bỏ cụm từ “**về việc**” trong tên gọi văn bản.

- Sửa cụm từ “**KỶ HỌP THỨ 3**” thành “**KỶ HỌP THỨ 4**” cho chính xác.

- Bỏ căn cứ thứ 4: *Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.* Vì: Căn cứ này không liên quan trực tiếp đến thẩm quyền và nội dung ban hành văn bản theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tại căn cứ thứ 5, bỏ nội dung: “*khoản 1; điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 9*” theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì không nhất thiết phải nêu cụ thể các điều, khoản được giao quy định chi tiết tại phần căn cứ ban hành văn bản*”.

- Cơ quan soạn thảo lưu ý cách trình bày nội dung dự thảo theo đúng bố cục (*Điều, khoản, điểm*) quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Xác định lại cách trình bày tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo).

- Số thứ tự và tên Điều cần trình bày chính xác theo quy định tại Điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số

154/2020/NĐ-CP): “c) Từ “Điều”, số thứ tự và tên của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm”.

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 1; dự thảo cần trình bày theo đúng quy định tại điểm d khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “d) Số thứ tự các khoản trong mỗi mục dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ số bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng; nếu khoản có tiêu đề, số thứ tự và tiêu đề của khoản được trình bày trên một dòng riêng, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng”.

b) Đối với dự thảo Tờ trình:

- Nội dung Tờ trình cần trình bày theo đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Kết luận chung

Việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 là đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh và cần thiết. Tuy nhiên về nội dung, cơ quan soạn thảo cần xem xét, nghiên cứu những vấn đề mà Sở Tư pháp nêu tại mục 1, 2, 3 của Báo cáo thẩm định này từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (t/h);
- GD, PGD Sở (đ/c Tài);
- Lưu: VT, VBPL(H).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *922* /STC-QLNS
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
quy định về mức thu học phí

Đắk Nông, ngày *31* tháng 5 năm 2022

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Tài chính nhận được Công văn số 853/SGDDĐT-TCCBTC ngày 31/5/2022 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Sở Tài chính thống nhất với nội dung quy định tại điểm 1, 3, 4 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023 do Sở Giáo dục và Đào tạo soạn thảo, cụ thể như sau:

"1. Mức học phí năm học 2022-2023 (Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên) như sau:

Cơ sở giáo dục công lập theo khu vực	Mức thu học phí theo đối tượng áp dụng (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)				Thời gian thu
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025, gọi tắt là Quyết định số 861)	50.000	50.000	50.000	100.000	Thu 9 tháng/năm học
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861)	60.000	60.000	60.000	120.000	
Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861)	70.000	70.000	70.000	140.000	

3. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

4. Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tối đa bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này”.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết: “2. Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này”. Về cơ bản Sở Tài chính thống nhất đề xuất quy định nội dung này. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thuyết phục, đúng quy định pháp luật, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thuyết minh cụ thể hơn, nêu rõ cơ sở pháp lý đối với nội dung quy định này.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, QLNS (Nh).

GIÁM ĐỐC



Nghiêm Hồng Quang

Số: 229 /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 05 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương, đơn vị về xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 03/3/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc Thông báo kết luận Phiên họp thứ 9 Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực, chủ động xây dựng dự thảo Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2022-2023.

Ngày 17/3/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 388/SGDĐT-TCCBTC xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị về các hồ sơ liên quan đến dự thảo Nghị quyết (danh sách gửi xin ý kiến bao gồm: Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh; sở, ban, ngành cấp tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; UBMTTQVN các huyện, thành phố; UBND các huyện, thành phố; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố; các đơn vị trực thuộc và Cổng thông tin điện tử của tỉnh). Đến hết ngày 03/5/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được 30 ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị về các hồ sơ liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

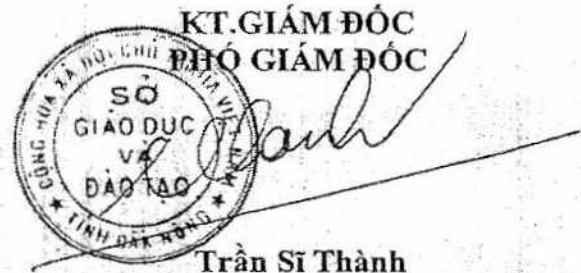
Qua ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị về dự thảo Nghị quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp ý kiến góp ý theo phụ biểu đính kèm công văn này.

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương đơn vị của Sở Giáo dục và Đào tạo, kính trình UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, quyết định. /*HT*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB-TC (01).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Sĩ Thành
Trần Sĩ Thành



PHỤ LỤC

TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA QUÝ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH HÀNH HOND TỈNH

(kèm theo Báo cáo số 29/BC-SGDĐT ngày 15/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	Ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo	
			Tiếp thu chính sửa	Không tiếp thu, giải trình
1	Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông	Thống nhất với dự thảo		
2	Ban Dân tộc	Thống nhất với dự thảo		
3	Đại Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông	Thống nhất với dự thảo		
4	Sở Giao thông vận tải	Thống nhất với dự thảo		
5	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thống nhất với dự thảo		
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thống nhất với dự thảo		
7	Sở Tài chính	Thống nhất với dự thảo		
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất với dự thảo		
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thống nhất với dự thảo		
10	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất với dự thảo		
11	Sở Xây dựng	Thống nhất với dự thảo		
12	Sở Nội vụ	Thống nhất với dự thảo		
13	UBND thành phố Gia Nghĩa	Thống nhất với dự thảo		
14	UBND huyện Đắk Song	Thống nhất với dự thảo		

15	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Mil	Thông nhất với dự thảo		
16	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Riếp	Thông nhất với dự thảo		
17	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tuy Đức	Thông nhất với dự thảo		
18	Trường THPT Phan Chu Trinh	Thông nhất với dự thảo		
19	Trường THPT Lương Thế Vinh	Thông nhất với dự thảo		
21	THPT Phan Bội Châu	Thông nhất với dự thảo		
21	THPT Trần Phú	Thông nhất với dự thảo		
22	Trung tâm GDTX-NNHTH	Thông nhất với dự thảo		
23	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Thông nhất với dự thảo		
24	TEPT Đắk Mil	Thông nhất với dự thảo		
25	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Krông Nô	Thông nhất với dự thảo		
26	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Thông nhất với dự thảo		
27	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Đắk Mil	Thông nhất với dự thảo		

<p>28 UBND huyện Krông Nô</p>	<p>Điều chỉnh mức thu học phí năm học 2022-2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mầm non: Khu vực III là 50.000 đồng/học sinh/tháng; Khu vực II là 60.000 đồng/học sinh/tháng; Khu vực I là 70.000 đồng/học sinh/tháng; - THCS: Khu vực III là 60.000 đồng/học sinh/tháng; Khu vực II là 75.000 đồng/học sinh/tháng; Khu vực I là 90.000 đồng/học sinh/tháng; <p>Năm học 2023-2024 tăng so với năm học 2022-2023 từ 6-7% tùy cấp học và khu vực.</p> <p>Năm học 2024-2025 tăng so với năm học 2023-2024 từ 3,7-6,6% tùy cấp học và khu vực.</p> <p>Năm học 2025-2026 tăng so với năm học 2024-2025 từ 9,4-12,5% tùy cấp học và khu vực.</p>		<p>Ý kiến góp ý của UBND huyện Krông Nô, cơ quan soạn thảo không tiếp thu, lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất, cơ quan soạn thảo đã dự kiến thu ở mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để áp dụng. - Thứ hai, cơ quan soạn thảo nhận thấy mức thu dự kiến theo dự thảo là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. - Thứ ba, các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng (hoặc khó khăn hơn) so với huyện Krông Nô, sau khi tham gia cho ý kiến thì đồng ý với dự thảo Nghị quyết. - Thứ tư, theo ý kiến của Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông, mức thu học phí theo dự thảo là phù hợp với tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh.
<p>29 Sở Y tế</p>	<p>- Tên nghị quyết là Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm học 2022-2023, nhưng trong nội dung thì có quy định mức thu học phí đến năm 2026, để nghị làm rõ nội dung này.</p> <p>- Về báo cáo đánh giá tác động cần xem xét lại thẩm quyền ban hành báo cáo tác động là UBND hay Sở Giáo dục và Đào tạo, bởi toàn bộ hồ sơ do cơ quan tham mưu trình UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân.</p> <p>- Về báo cáo đánh giá tác động chưa đúng theo mẫu tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, trong đó có nhiều nội dung chưa được đánh giá trong báo cáo tác động; tiêu đề của báo cáo đánh giá tác động chưa khớp với tên dự thảo Nghị quyết (thiếu thời gian).</p> <p>- Xem xét bổ sung phụ lục dự kiến tổng số tiền sẽ thu trong các bậc học ở mỗi năm đến năm 2026.</p>		<p>- Tên dự thảo Nghị quyết xin ý kiến tại Công văn số 388/SGDĐT-TCCBTC ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo là phù hợp; vì theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức học phí tính từ năm học 2021-2022. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh và điều kiện thực tiễn của địa phương nên Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; do đó, cơ quan soạn thảo xây dựng tên dự thảo Nghị quyết như đã xin ý kiến.</p> <p>- Sở Giáo dục và Đào tạo được UBND tỉnh giao tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ liên quan; vì vậy, Sở Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Báo cáo đánh giá tác động kèm theo hồ sơ Nghị quyết nêu trên.</p>

	<p>- Xem xét lại cách viết hoa, chú ý từ “Quy định” lúc nào thì viết hoa, lúc nào thì viết thường.</p>	<p>Các nội dung khác, cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh.</p>	<p>- Số lượng học sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh mỗi năm đều tăng/giảm khác nhau, liên quan đến chế độ miễn giảm,...; do đó, cơ quan soạn thảo không thể bỏ sung phụ lục dự kiến tổng số tiền sẽ thu trong các bậc học ở mỗi năm đến năm 2026 theo góp ý của Sở Y tế.</p>
<p>30 Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>1. Việc đề xuất Nghị quyết HĐND tỉnh mức tăng học phí so với Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh với mức tăng thấp nhất (cấp học mầm non khu vực I) là 433,33% và cao nhất (cấp học THCS khu vực III) là 1.700,00% trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến khó lường và nền kinh tế chưa phục hồi bền vững, đời sống, việc làm, tiêu thụ sản phẩm,... của nhân dân còn nhiều khó khăn; vì vậy, cần đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Nghị quyết mới có sự so sánh với Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND, ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông từ năm học 2015-2016 đến năm học 2021-2022.</p> <p>2. Đối với từng phương án thu (theo mức sản, mức thu bình quân và mức thu cao theo điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ) cần phải đánh giá sự tác động đến kế hoạch tài chính của ngành (mức chi cần thiết để thực hiện Chương trình số 28-CTr/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phân ngân sách Nhà nước đảm bảo chi và phần thu từ các khoản đóng góp cần phải được HĐND tỉnh thông qua); đồng thời cần giải trình rõ về sự cần thiết, phù hợp của phương án được lựa chọn.</p>	<p>Các nội dung khác, cơ quan soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh</p>	<p>1. Về đề xuất mức thu: Ngày 27/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2021 thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 có một số điểm mới như sau:</p> <p>Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định khung học phí từ 8.000 đến 60.000 đồng/tháng/học sinh; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định khung học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ 50.000 đến 220.000 đồng/tháng/học sinh; cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với bậc mầm non: từ 50.000 đồng đến 110.000 đồng (tăng 625% so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, lấy mức tối thiểu để tính 50.000 đồng/8.000 đồng); - Đối với cấp THCS: từ 50.000 đến 170.000 đồng/tháng/học sinh (tăng 625% so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, lấy mức tối thiểu để tính 50.000 đồng/8.000 đồng); - Đối với cấp THPT: từ 100.000 đến 220.000 đồng/tháng/học sinh (tăng 1.250% so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, lấy mức tối thiểu để tính 100.000 đồng/8.000 đồng). <p>Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất thu ở mức sản của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và mức thu này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh.</p>